

Phụ lục
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN
VỀ ĐỀ ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ gia đình	Tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến	Kết quả lấy ý kiến nhân dân so với tổng số hộ gia đình trên địa bàn			
				Đồng ý		Không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Xã Nghĩa Trụ	11,416	11,308	11,303	99.01	5	0.04
2	Xã Phụng Công	10,665	9,616	8,924	83.68	692	6.49
3	Xã Hưng Phú	6,466	6,334	6,328	97.87	4	0.06
4	Xã Nguyễn Văn Linh	22,564	22,564	22,560	99.98	4	0.02
5	Xã Việt Tiến	9,986	9,449	9,440	94.53	8	0.08
6	Xã Văn Giang	11,848	10,415	10,389	87.69	26	0.22
7	Xã Yên Mỹ	19,867	19,839	19,822	99.77	17	0.09
8	Xã Thái Thụy	15,164	14,841	14,792	97.55	44	0.29
9	Xã Như Quỳnh	33,543	29,693	29,144	86.89	549	1.64
10	Xã Ân Thi	9,067	8,805	8,782	96.86	23	0.25
11	Xã Hưng Hà	16,187	15,289	15,213	93.98	76	0.47
12	Xã Long Hưng	14,035	12,847	12,817	91.32	29	0.21
13	Xã Tiền Hải	12,840	11,332	11,318	88.15	14	0.11
14	Xã Quỳnh Phụ	16,113	16,071	16,036	99.52	35	0.22
15	Xã Lương Bằng	11,716	11,667	11,652	99.45	15	0.13
16	Xã Kiến Xương	14,897	14,151	14,083	94.54	68	0.46
17	Xã Hoàng Hoa Thám	13,551	13,463	12,689	93.64	88	0.65
18	Xã Khoái Châu	14,666	13,699	13,641	93.01	51	0.35
19	Xã Đông Hưng	14,887	14,532	14,501	97.41	26	0.17
20	Xã Phú Dục	12,712	12,412	12,354	97.18	58	0.46
21	Xã Vũ Thư	13,319	12,391	12,246	91.94	145	1.09
22	Xã Vũ Quý	8,272	7,801	7,749	93.68	52	0.63
23	Xã Mễ Sở	8,075	7,922	7,893	97.75	29	0.36
24	Xã Tiên Lữ	7,586	7,472	7,373	97.19	99	1.31
25	Xã Lạc Đạo	10,448	10,402	10,327	98.84	75	0.72
26	Xã Tân Hưng	7,900	7,900	7,843	99.28	57	0.72

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ gia đình	Tổng số hộ gia đình tham gia ý kiến	Kết quả lấy ý kiến nhân dân so với tổng số hộ gia đình trên địa bàn			
				Đồng ý		Không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
27	Xã Thái Ninh	9,120	8,836	8,835	96.88	3	0.03
28	Xã Tiên Tiến	8,063	7,960	7,927	98.31	33	0.41
29	Xã Nghĩa Dân	10,209	9,852	9,816	96.15	26	0.25
30	Xã Quang Hưng	8,694	8,124	8,095	93.11	29	0.33
31	Xã Việt Yên	12,485	12,253	12,213	97.82	30	0.24
32	Xã Hoàn Long	8,933	8,783	8,766	98.13	17	0.19
33	Xã Triệu Việt Vương	13,119	12,800	12,714	96.91	17	0.13
34	Xã Nguyễn Trãi	9,413	8,945	8,925	94.82	17	0.18
35	Xã Châu Ninh	10,967	10,154	10,073	91.85	77	0.70
36	Xã Xuân Trúc	7,850	7,850	7,832	99.77	18	0.23
TỔNG CỘNG		446,643	427,772	424,415	95.02	2,556	0.57